TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-PT
Ngày: 11 - 01 - 2023
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc: "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3234/2022/QĐPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Tang H (Nguyễn Hải L), sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

1.2. Anh Tang H, sinh năm 1977; quốc tịch: Campuchia; địa chỉ: Số nhà 401, đường hẻm ấp Lo Com Bo, phường Svay Pak, quận Rư Sey Keo, thành phố Phnompenh, Vương quốc Campuchia;

1.3. Chị Tang H, sinh năm 1980; quốc tịch: Campuchia; địa chỉ: Số nhà 475B, đường hẻm ấp Lo Com Bo, phường Svay Pak, quận Rư Sey Keo, thành phố Phnompenh, Vương quốc Campuchia;

1.4. Chị Tang M, sinh năm 1986; quốc tịch: Campuchia; địa chỉ: Số nhà 870C, đường hẻm ấp Lu, phường Svay Pak, quận Rư Sey Keo, thành phố Phnompenh, Vương quốc Campuchia;

1.5. Chị Tang Srey P, sinh năm 1994; quốc tịch: Campuchia; địa chỉ: Số nhà 401A, đường hẻm ấp Lu, phường Svay Pak, quận Rư Sey Keo, thành phố Phnompenh, Vương quốc Campuchia;

Người đại diện hợp pháp của anh Tang H, anh Tang H, chị Tang H, chị Tang M và chị Tang Srey P: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 73, khu phố 4, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 29-6-2018);

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Kim D, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 7, ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

2.2. Ông Trần Kim L, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 7, ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

2.3. Ông Trần Kim Ph, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 7, ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1. Bà Trần Kim Ng (Trần Thị Ngọc) (CHHUN HENG), sinh năm 1953; địa chỉ: Số nhà 136, đường 130, phường Psa kan dal 2, quận Doun Penh, thành phố Phnompenh, Campuchia;

3.2. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 7, ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

3.3. Ông Tang Đ, sinh năm 1948, địa chỉ: Nhà số 401, ấp Lo Com Po phường Svay Pak, quận Rư Sey Keo, thành phố Phnompenh, Campuchia;

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Kim L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ông bà ngoại của nguyên đơn là cụ Trần Kim L, sinh năm 1921 (chết năm 1983) và cụ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1930 (chết năm 2010); cụ L và cụ Đ có 05 người con là ông Trần Kim D, ông Trần Kim Ph, ông Trần Kim L, bà Trần Kim Ng và bà Trần Kim O (Kim Van) chết năm 2012, bà O có chồng là ông Tang Đ và 05 người con là nguyên đơn trong vụ án.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do ông, bà ngoại của nguyên đơn chết để lại là nhà và phần đất diện tích 8684 m^2 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Đ đứng tên năm 2009, sau đây ghi tắt là QSDĐ; hiện nay gồm hai thửa đất, thửa đất số 744, tờ bản đồ số 27, diện tích 3328m^2, giấy chúng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ179566, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18-5-2016 cho ông Trần Kim L đứng tên; thửa đất số 745, tờ bản đồ số 27, diện tích

5356m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ066184, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10-8-2016 cho ông Trần Kim D và bà Lê Thị Th đứng tên; nhà và đất này tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có nhà của ông Ph, nhà thờ, nhà tạm và cây ăn trái.

Nguyên đơn yêu cầu chia cho bà O phần đất ngang 6m, dài 45m, trong đó có 80m2 thổ cư; nguyên đơn hưởng phần của bà O; không yêu cầu chia nhà và đất phần hậu còn lại.

Đối với di chúc của cụ Đ lập ngày 21-12-2009 là không hợp pháp vì: Di chúc có sửa năm sinh của cụ Đ, đất là tài sản chung của cụ L và Đầm nên Đầm không có quyền định đoạt toàn bộ, trong di chúc chỉ chia đất cho 3 người đất còn lại chưa chia cho ai.

Bị đơn ông Trần Kim D trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Trần Kim L và cụ Nguyễn Thị Đ. Cụ L và cụ Đ có 05 người con ruột như nguyên đơn trình bày là đúng; ngoài ra cụ L còn có con riêng là ông Trần Văn Đ và bà Trần Kim N (bà N đã chết) nhưng ông chỉ nghe nói không cung cấp được giấy tờ chứng minh, cũng không cung cấp được năm sinh, địa chỉ của ông Đ. Cụ L và cụ Đ chết để lại căn nhà thờ và đất diện tích 8684 m^2, trên đất có căn nhà của ông Ph, căn nhà thờ vợ chồng ông Đng ở, nhà tạm, có cây trồng, cây ăn trái trên đất. Ngoài tài sản này thì cụ L, cụ Đ không còn tài sản nào khác. Cụ L chết không có di chúc, cụ Đ có lập tờ di chúc ngày 21-12-2009 có chứng thực của UBND xã Th, theo di chúc chia đất cho 03 người con là Ngọc, Dân, Lan mỗi người ngang 7m, dài 45m (trong đó có thổ cư 80m^2), con tên Phượng cụ Đ cho 07m đất ngang xây nhà ở nên không ghi trong di chúc, riêng bà O nói không nhận đất.

Năm 2010, cụ Đ chết anh chị em trong gia đình thống nhất cho ông bán 10m đất ngang sau hậu để trả nợ xây mồ mả cho cụ Đ.

Năm 2018, ông Trần Kim Ph có đơn thưa ra UBND xã Th, khi hòa giải ông và ông L đồng ý thu hồi 02 giấy chứng nhận QSDĐ do ông và ông L đứng tên để chia đất lại cho các chị em. Các chị em gồm: Ông, bà Ng, ông Ph và ông L thống nhất chia ông L, ông D mỗi người ngang 10m, dài 50m; ông Ph và bà Ng mỗi người ngang 8m, dài 50m; phần đất hậu phía sau để ông và ông L hưởng canh tác thờ cúng cha mẹ, đang chờ làm thủ tục tách QSDĐ thì có đơn thưa của con bà O là Trần Hải L (Tang H) yêu cầu chia đất do ông bà ngoại để lại nên chưa sang tên được.

Nay ông yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại, trừ phần đất 10m ngang sau hậu đã bán, chừa 05m ngang giáp phần 10m đã bán làm đường đi cho ông L đi ra đường, còn lại đất mặt tiền chia cho nguyên đơn 04m ngang, dài 45m tại vị trí giáp đất ông Trường; chia cho bà Ng và ông Ph mỗi người ngang 7m, dài 45m; chia ông và ông L mỗi người ngang 8m, dài 45m (mỗi người có thổ cư 80m^2) ông hưởng nhà thờ; đất hậu phía sau còn lại chia đôi cho ông và ông L hưởng thờ cúng cha mẹ.

Bị đơn ông Trần Kim L trình bày:

Thống nhất với ông D về quan hệ huyết thống và tài sản cha mẹ chết để lại; ông không cung cấp được năm sinh, địa chỉ hiện nay của ông Đ; yêu cầu chia thừa kế tài sản. Đồng ý chia cho nguyên đơn 05m đất ngang giáp phần đất 10m ngang đã bán.

Bị đơn ông Trần Kim Ph trình bày:

Thống nhất với ông D và ông L về quan hệ huyết thống và tài sản cha mẹ chết để lại; ngoài 05 người con ruột, cụ L có 02 người con riêng là ông Đ và bà N (bà N đã chết), chỉ nghe nói ông không có chứng cứ chứng minh ông Đ, bà N là con riêng của cụ L, không cung cấp được năm sinh, địa chỉ của ông Đ. Năm 2007, mẹ ruột (cụ Đ) nói miệng cho ông đất cất nhà ngang 07m, chiều dài không nhớ, sau đó chị em thống nhất cho ông thêm 01m ngang và ông đã xây nhà tường ở trên đất từ năm 2007 đến nay không có ai tranh chấp, ông yêu cầu được hưởng đất tại nơi cất nhà, đất hậu phía sau không tranh chấp, đồng ý chia đất cho nguyên đơn ngang 04m phía giáp đất ông Trường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim Ng (Trần Thị Ngọc, Chun Heng) trình bày:

Bà thống nhất với ông D và ông L về quan hệ huyết thống và tài sản cha mẹ chết để lại như ông D, ông L, ông Ph trình bày; bà có hộ khẩu thường trú ở Campuchia; không có chứng cứ chứng minh ông Đ là con riêng của cụ Lục; không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì trước đây bà đã đưa tờ di chúc cho bà O xem, bà O nói không nhận đất, bà có phôtô tờ di chúc đưa các em trong gia đình, bà giữ bản chính. Tại biên bản hòa giải ngày 17-10-2018, bà Ng đồng ý chia cho các con bà O 05m đất sau hậu giáp phần 10m ngang sau hậu đã bán. Bà Ng có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tăng Đôn trình bày: Ông là chồng bà O, vợ chồng có 05 người con chung là Tang H, Tang H, Tang H, Tang M và Tang Srey P. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế, phần ông được bao nhiêu cho hết 05 người con hưởng. Ông Tang Đ có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th trình bày: Nhà, đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là tài sản của bên chồng, bà không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 652, 653 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 5; khoản 3 Điều 186 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 157, 165, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tang H, anh Tang H, chị Tang H, chị Tang M và chị Tang Srey P về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" đối với ông Trần Kim D, ông Trần Kim L và ông Trần Kim Ph.

2. Chia thừa kế tài sản cụ thể như sau:

2.1. Anh Tang H, anh Tang H, chi Tang H, chị Tang M và chị Tang Srey P được quyền sử dụng phần đất có diện tích 135m^2 + 269,8m^2 trong đó có 80m^2 đất ONT, thuộc thửa đất số 744, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất Nguyễn Văn Phụng dài 22,69m +45m;

Tây giáp đất giáp đất chia cho ông Trần Kim L dài 22,44m+45,03m; Nam giáp đường nhựa 795 dài 06m;

Bắc giáp đất mặt hậu dài 06m.

2.2. Ông Trần Kim L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 155,6m^2 + 314,7m^2, trong đó có 80m^2 đất ONT, thuộc thửa đất số 744, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho nguyên đơn (con bà O) dài 22,44m+45,03m;

Tây giáp đất giáp đất chia cho ông Trần Kim D dài 22,15m+45,03m;

Nam giáp đường nhựa 795 dài 07m;

Bắc giáp đất mặt hậu dài 07m.

Ông Trần Kim D có trách nhiệm di dời nhà tạm t(3) để giao đất cho ông Trần Kim L.

2.3. Ông Trần Kim L được quyền sử dụng phần đất mặt hậu diện tích 2243m^2 +409,1m^2 + 157,7m^2, thuộc thửa đất số 744, 745, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất Nguyễn Văn Phụng dài 154,14m+3,45m+5m;

Tây giáp đất chia cho ông Trần Kim D dài 158,49m và giáp đường đất dài 5,13m;

Nam giáp đất mặt tiền dài 6m +7m+ 1,56m+2,22m;

Bắc giáp đất 10m ngang đã bán dài 30,73m.

2.4. Ông Trần Kim D được quyền sử dụng phần đất có diện tích 35,2m^2 + 121,7m^2 +225,3m^2 + 70,7m^2, trong đó có 80m^2 đất ONT và căn nhà trên đất, thuộc thửa đất số 744, 745, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho ông Trần Kim L dài 22,15m+45,03m;

Tây giáp đất giáp đất chia cho bà Trần Kim Ng dài 21,83m+45m;

Nam giáp đường nhựa 795 dài 5,72m+1,59m;

Bắc giáp đất sau hậu dài 1,56m +2,22m+2,43m.

2.5. Ông Trần Kim D được quyền sử dụng phần đất mặt hậu diện tích 2809.9m^2, thuộc thửa đất số 745, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho ông Trần Kim L dài 158,49m;

Tây giáp đất giáp đất Trương Văn Đào, Trương Thị Hồng, Trương Thị Bỉ, Trương Văn Tây, Trương Thị Bền, Nguyễn Thị Kim Phượng dài 9,83m +14,81m + 18,57m +23,33m +8, 99m +26,92m + 39,13m + 18,56m;

Nam giáp đất mặt tiền dài 8m + 8m+2,43m;

Bắc giáp phần 05m làm đường cho ông Trần Kim L đi ra đường đất.

2.6. Ông Trần Kim D được quyền sử dụng phần đất chia cho bà Trần Kim Ng có diện tích 172,8m^2 + 359,6m^2, trong đó có 80m^2 đất ONT, thuộc thửa đất số 745, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho ông Trần Kim D dài 21,83m+45m;

Tây giáp đất giáp đất chia cho ông Trần Kim Ph dài 21,50m +45m;

Nam giáp đường nhựa 795 dài 08m; Bắc giáp thửa đất mặt hậu dài 08m.

2.7. Buộc ông Trần Kim D có trách nhiệm giao lại cho bà Trần Kim Ng số tiền 986.205.600 đồng (chín trăm tám mươi sáu triệu hai trăm linh năm nghìn sáu trăm đồng) là tiền giá trị phần đất bà Trần Kim Ng được chia.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không giao số tiền như nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.8. Ông Trần Kim Ph được quyền sử dụng phần đất có diện tích 173,8m^2 +369,7m^2, trong đó có 80m^2 đất ONT, thuộc thửa đất số 745, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cân:

Đông giáp đất chia cho bà Trần Kim Ng dài 21,50m+45m;

Tây giáp đất giáp đất Phạm Thị Huyền, Trương Văn Đào dài 4,98m + 16,28m + 1,78m + 45m;

Nam giáp đường nhựa 795 dài 08m;

Bắc giáp đất mặt hậu dài 08m.

(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

2.9. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp cây trồng trên đất, cây trồng trên phần đất được chia cho người nào thì người đó hưởng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 05/05/2022 bị đơn ông Trần Kim L kháng cáo yêu cầu chia phần đất mặt tiền cho ông.

Ngày 13/5/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim Ng kháng cáo đề nghị được chia thừa kế bằng đất giống như nguyên đơn, bị đơn và kháng cáo phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện của bà Ng tranh luận đề nghị cho bà Ng được hưởng thừa kế bằng đất vì bà Ng có quốc tịch Việt Nam. Về án phí cũng xin được miễn án phí do bà là người cao tuổi.

Ông L tranh luận: Đề nghị chia một người 1m ngang, dài 45 m. Tổng cộng 5 người con là 5m là hợp lý.

Ông Trần Kim D tranh luận đồng ý giao lại cho bà Trần Kim Ng số tiền 986.205.600 đồng không đồng ý giao đất vì nếu bà Ng nhận đất sẽ bán đi.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất chia thừa kế đối với phần di sản chưa chia là phần di sản không được định đoạt trong Tờ di chúc ngày 21/12/2009 của cụ Đ, cụ thể phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 7.893,9m^2. Căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 xác định hàng thừa kế theo pháp luật của cụ L và cụ Đ là bà Ng, ông D, ông L, ông Ph, bà O (chết năm 2012). Hàng thừa kế của chị Tang H, chị Tang M, chị Tang Srey P (con bà O). Ông Tang Đ từ chối nhận di sản. Theo quy định di sản được chia thành 5 phần, mỗi người được hưởng phần giá trị đất là 815.731.000 đồng. Tuy nhiên, các nguyên đơn chỉ yêu cầu được chia phần diện tích đất 269,8m^2 (chiều ngang 6m, chiều dài lộ giới và đo tiếp vào 45m) có giá trị 770.051.200 đồng, thống nhất giao toàn phần đất mặt tiền thuộc mặt hậu cho ông D, ông L là ít hơn kỷ phần được chia nhưng đây là sự thỏa thuận của các đương sự và cũng có lợi cho các đồng thừa kế còn lại nên được chấp nhận. Tòa án sơ thẩm chia các phần thừa kế là đúng quy định. Do vậy, ông L kháng cáo không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đối với kháng cáo của bà Ng đề nghị được hưởng phần thừa kế bằng hiện vật do bà có cả quốc tịch Việt Nam là có căn cứ nên cần được chấp nhận để bà được nhận một phần quyền sử dụng đất theo quy định. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, chấp nhận kháng cáo của bà Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Kim L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim Ng nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tòa sơ thẩm xác định là theo quy định Điều 26, 35, 37 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về di sản thừa kế: Phần diện tích 8.322m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02683 do UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06/10/2009 đứng tên bà Nguyễn Thị Đ là tài sản chung của cụ L và cụ Đ trong

thời kỳ hôn nhân. Ngày 21/12/2009 cụ Đ lập tờ Di chúc phân chia 945m^2 đất trong tổng diện tích 8.322m^2 nêu trên cho bà Ng, ông D, bà Lan mỗi người được hưởng 315m^2 đất, cụ thể phần đất chiều ngang 7m, phần đất chiều dài 45m, trong đó diện tích đất thổ cư là 80m^2. Tờ di chúc được chứng thực tại UBND xã Thanh Tây. Cụ Đ tự mình lập di chúc, phân chia di sản không vượt quá 50% khối di sản chung của cụ và cụ L nên nội dung di chúc phù hợp quy định pháp luật. Như vậy, phần di sản còn lại chưa chia là phần di sản chưa được định đoạt trong Tờ di chúc ngày 21/12/2009 của cụ Đ, cụ thể phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 7.893,9 m^2.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các bên đương sự đều thống nhất chia thừa kế đối với phần di sản còn lại này. Căn cứ quy định điểm a khoản 2 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015, phần di sản chưa chia được xem xét chia thừa kế theo pháp luật. Căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định hàng thừa kế theo pháp luật của cụ L, cụ Đ là bà Ng, ông D, ông L, ông Ph, bà O (chết năm 2012). Hàng thừa kế của bà O là anh Tang Đ (chồng bà O) và anh Tang H, anh Tang H, chị Tang H, chị Tang May, chị Tang Srey P (con bà O). Ông Tang Đ từ chối nhận di sản.

Như vậy, di sản sẽ được chia thành 5 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng 815.731.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu chia cho nguyên đơn 6m ngang, chiều dài phần lộ giới và đo tiếp vào 45, diện tích 135m^2 + 269,8m^2 giá trị 770.051.200 đồng là ít hơn kỷ phần được chia thừa kế nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa bị đơn cũng yêu cầu chia đất cho nguyên đơn giáp đất ông Trường, bà Ng, nguyên đơn tự nguyện cho ông D và ông L, nên phần của ông D và ông L được hưởng nhiều hơn kỷ phần của các đồng thừa kế khác. Tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện các đương sự đều thống nhất chia di sản thừa kế đối với phần mặt tiền còn phần đất mặt hậu giao cho ông D, ông L quản lý sử dụng có trách nhiệm thờ cúng. Việc ông L kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm phân chia cho các nguyên đơn diện tích đất thuộc mặt tiền và chia cho các bị đơn diện tích đất vừa thuộc mặt tiền vừa thuộc mặt hậu là không công bằng và ông L còn cho rằng bà O khi còn sống đã từ chối nhận di chúc nhưng xét thấy lời trình bày của ông L không có căn cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[2.2] Bà Trần Kim Ng kháng cáo đề nghị được hưởng phần giá trị bằng quyền sử dụng đất chứ không nhận bằng tiền do bà có quốc tịch Việt Nam. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bà Ng xuất trình Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam và người đại diện của bà Ng cũng trình bày bà Ng mong muốn về Việt Nam sinh sống nên bà Ng được nhận thừa kế bằng quyền sử dụng đất là có cơ sở. Phần diện tích bà Ng được nhận: 172,8m^2 + 359,6m^2, trong đó có 80m^2 đất ONT, thuộc thửa đất số 745, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho ông Trần Kim D dài 21,83m + 45m

Tây giáp đất giáp đất chia cho ông Trần Kim Ph dài 21,5m + 45m

Nam giáp đường nhựa 795 dài 08m

Bắc giáp thửa đất mặt hậu dài 08m

Ông Trần Kim D không phải có trách nhiệm giao lại cho bà Trần Kim Ng số tiền 986.205.600 đồng giá trị phần đất bà Ng được chia.

Bà Ng kháng cáo xin được miễn án phí sơ thẩm do bà là người cao tuổi nhưng xét thấy tại sơ thẩm bà Ng không có đơn xin miễn án phí nên Tòa án không được xem xét là đúng quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo về phần này của bà Ng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Kim L, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Kim Ng, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị sửa nên ông Trần Kim L, bà Trần Kim Ng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Kim L

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim Ng (Trần Thị Ngọc).

Sửa bản án sơ thẩm

Căn cứ Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 652, 653 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 5; khoản 3 Điều 186 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 157, 165, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tang H, anh Tang H, chị Tang H, chị Tang M và chị Tang Srey P về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" đối với ông Trần Kim D, ông Trần Kim L và ông Trần Kim Ph.

2. Chia thừa kế tài sản cụ thể như sau:

2.1. Anh Tang H, anh Tang H, chị Tang H, chị Tang M và chị Tang Srey P được quyền sử dụng phần đất có diện tích 135m^2 + 269,8m^2 trong đó có 80m^2 đất ONT, thuộc thửa đất số 744, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất Nguyễn Văn Phụng dài 22,69m +45m;

Tây giáp đất giáp đất chia cho ông Trần Kim L dài 22,44m+45,03m;

Nam giáp đường nhựa 795 dài 06m;

Bắc giáp đất mặt hậu dài 06m.

2.2. Ông Trần Kim L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 155,6m^2 + 314,7m^2, trong đó có 80m^2 đất ONT, thuộc thửa đất số 744, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho nguyên đơn (con bà O) dài 22,44m+45,03m;

Tây giáp đất giáp đất chia cho ông Trần Kim D dài 22,15m+45,03m;

Nam giáp đường nhựa 795 dài 07m;

Bắc giáp đất mặt hậu dài 07m.

Ông Trần Kim D có trách nhiệm di dời nhà tạm t(3) để giao đất cho ông Trần Kim L.

Ông Trần Kim L được quyền sử dụng phần đất mặt hậu diện tích 2.243m^2 +409,1m^2 + 157,7m^2, thuộc thửa đất số 744, 745, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất Nguyễn Văn Phụng dài 154,14m+3,45m+5m;

Tây giáp đất chia cho ông Trần Kim D dài 158,49m và giáp đường đất dài 5,13m;

Nam giáp đất mặt tiền dài 6m +7m+ 1,56m+2,22m;

Bắc giáp đất 10m ngang đã bán dài 30,73m.

2.3. Ông Trần Kim D được quyền sử dụng phần đất có diện tích 35,2m^2 + 121,7m^2 +225,3m^2 + 70,7m^2, trong đó có 80m^2 đất ONT và căn nhà trên đất, thuộc thửa đất số 744, 745, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho ông Trần Kim L dài 22,15m+45,03m;

Tây giáp đất giáp đất chia cho bà Trần Kim Ng dài 21,83m+45m;

Nam giáp đường nhựa 795 dài 5,72m+1,59m;

Bắc giáp đất sau hậu dài 1,56m +2,22m+2,43m.

Ông Trần Kim D được quyền sử dụng phần đất mặt hậu diện tích 2.809,9m^2, thuộc thửa đất số 745, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho ông Trần Kim L dài 158,49m;

Tây giáp đất giáp đất Trương Văn Đào, Trương Thị Hồng, Trương Thị Bỉ, Trương Văn Tây, Trương Thị Bền, Nguyễn Thị Kim Phượng dài 9,83m +14,81m + 18,57m +23,33m +8, 99m +26,92m + 39,13m + 18,56m;

Nam giáp đất mặt tiền dài 8m + 8m+2,43m;

Bắc giáp phần 05m làm đường cho ông Trần Kim L đi ra đường đất.

2.4. Bà Trần Kim Ng được quyền sử dụng phần đất chia có diện tích 172,8m^2 + 359,6m^2, trong đó có 80m^2 đất ONT, thuộc thửa đất số 745, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho ông Trần Kim D dài 21,83m+45m;

Tây giáp đất giáp đất chia cho ông Trần Kim Ph dài 21,50m +45m;

Nam giáp đường nhựa 795 dài 08m;

Bắc giáp thửa đất mặt hậu dài 08m.

2.5. Ông Trần Kim Ph được quyền sử dụng phần đất có diện tích 173,8m^2 +369,7m^2, trong đó có 80m^2 đất ONT, thuộc thửa đất số 745, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận:

Đông giáp đất chia cho bà Trần Kim Ng dài 21,50m+45m;

Tây giáp đất giáp đất Phạm Thị Huyền, Trương Văn Đào dài 4,98m + 16,28m + 1,78m + 45m;

Nam giáp đường nhựa 795 dài 08m;

Bắc giáp đất mặt hậu dài 08m.

(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

2.6. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp cây trồng trên đất, cây trồng trên phần đất được chia cho người nào thì người đó hưởng.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản là 24.600.000 đồng, ghi nhận nguyên đơn đã nộp xong. Trong đó:

Anh Tang H, anh Tang H, chị Tang H, chị Tang M và chị Tang Srey P phải chịu 3.310.000 đồng (ba triệu ba trăm mười nghìn đồng). Ghi nhận đã nộp xong.

Ông Trần Kim L phải chịu 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), buộc ông L có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

Ông Trần Kim D phải chịu 6.590.000 đồng (sáu triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng), buộc ông D có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

Bà Trần Kim Ng phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), buộc bà Ng có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

Ông Trần Kim Ph phải chịu 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm nghìn đồng), buộc ông Ph có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Tang H, anh Tang H, chị Tang H, chị Tang M và chị Tang Srey P phải chịu 34.802.000 đồng (ba mươi tư triệu tám trăm linh hai nghìn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.400.000 đồng theo biên lai thu số 0000605; 2.400.000 đồng theo biên lai thu số 0000606; 2.400.000 đồng theo biên lai thu số 0000607; 2.400.000 đồng theo biên lai thu số 0000608; 2.400.000 đồng theo biên lai thu số 0000609; ngày 09-7-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Anh Tang H, anh Tang H, chị Tang H, chị Tang M và chị Tang Srey P còn phải chịu 22.802.000 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm linh hai nghìn đồng).

+ Ông Trần Kim L phải chịu 60.009.000 đồng (sáu mươi triệu không trăm linh chín nghìn đồng).

+ Ông Trần Kim D phải chịu 59.126.000 đồng (năm mươi chín triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

+ Bà Trần Kim Ng phải chịu 41.586.000 đồng (bốn mươi mốt triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

+ Ông Trần Kim Ph phải chịu 42.150.000 đồng (bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

II. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Kim L, bà Trần Kim Ng không phải chịu án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (MTTT)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Huyền Vân